

Số: 2089/QĐ-ĐHDL

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi tiền hỗ trợ chi phí học tập kỳ I năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/05/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ biên bản số 2753/BB-ĐHDL ngày 28/11/2023 của Hội đồng miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg cho 26 sinh viên (có danh sách kèm theo) với tổng số tiền là: 140.400.000đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Điều 2. Thời gian chi tiền hỗ trợ chi phí học tập là 05 tháng của học kỳ I năm học 2023-2024.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Công tác sinh viên; Đào tạo; Kế hoạch Tài chính và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Các PHT (để biết);
- Đăng Website;
- Lưu VT, CTSV, Hoàng TT (03).

Q. HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 -2024

Theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg

Theo QĐ số: 2039.../QĐ-ĐHDL ngày 18...tháng ...năm 2023

TT	Mã Sinh viên	Họ và tên		Tên lớp	Đối tượng		Dân tộc	Lương cơ bản	Tỷ lệ	Số tiền được nhận / tháng	Số tháng	Tổng số tiền được nhận
1	19810310300	Lường Tiến	Dũng	D14CNPM5	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Tày	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
2	19810110066	Lường Văn	Tiếp	D14H1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Thái	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
3	19810110249	Cà Văn	Việt	D14H3	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Thái	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
4	19810320466	Vi Thị Huyền	Trang	D14HTTMDT 1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Thái	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
5	19810230070	Lý Thị Thanh	Lam	D14LOGISTIC S1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Tày	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
6	19810000074	Bùi Thanh	Tú	D14XDCTD	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Mường	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
7	20810000135	Tạ Thị	Hương	D15KDTMTT 2	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Sán Dìu	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
8	20810830230	Đinh Nguyễn	Mai	D15KTDN3	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Tày	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
9	20810000038	Mùi Thị	Dung	D15QLSX&T N	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Mường	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
10	20810820125	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D15TCDN2	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Tày	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
11	21810180543	Giàng Văn	Giàng	D16DCN&DD 1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	HMông	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
12	21810110152	Lò Văn	Mạnh	D16DCN&DD 2	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Thái	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
13	21810110346	Phàng A	Tùng	D16H3	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	HMông	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
14	21810810213	Lý Hà	Thư	D16KTDN4	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Tày	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
15	21810310147	Tào Văn	Trường	D16QTANM	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Mường	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000
16	22810310019	Lò Văn	Anh	D17CNPM1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Thái	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000

TT	Mã Sinh viên	Họ và tên		Tên lớp	Đối tượng		Dân tộc	Lương cơ bản	Tỷ lệ	Số tiền được nhận / tháng	Số tháng	Tổng số tiền được nhận	
17	22810110121	Trần Xuân	Son	D17H1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Nùng	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
18	22810860002	Lường Thị	Hà	D17KDTMTT 1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Thái	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
19	22810710066	Sùng A	Sì	D17QTDN1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	HMông	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
20	22810170107	Di A	Deo	D17TDHHTD 1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	HMông	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
21	23810830218	Hoàng Thị Phươ	Thảo	D18KT&KS	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Tày	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
22	23810000022	Bùi Thị Mai	Linh	D18QTDVDL &LH1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Mường	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
23	23810810076	Lò Thị	Hạnh	D18KTDN1	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Dao	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
24	21810180253	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	D16H3	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Tày	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
25	22810860105	Hoàng Thị Thu	Huyền	D17KDTMTT 2	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Hoa	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
26	23810170384	Vương Minh	Quân	D18TDHHTD 4	Dân tộc +Hộ nghèo	HTCPHT	Tày	1,800,000	60%	1,080,000	5	5,400,000	
Tổng												140,400,000	

NGƯỜI LẬP

PHÒNG CTSV

PHÒNG KHTC

Q. HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Hoàng

Nguyễn Tiên Thành

Nguyễn Đàm Minh Thông



Đinh Văn Châu

